

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HC-PT

Ngày: 18 - 01 - 2022

V/v: “Khiếu kiện văn bản giải quyết
khiếu nại và hành vi công nhận quyền
sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 128/2021/TLPT-HC ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện văn bản giải quyết khiếu nại và hành vi công nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2962/2022/QĐ-PT ngày 6 tháng 1 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1/ Ông Nguyễn Văn H (có mặt);

2/ Bà Nguyễn Thị T (có mặt);

Cùng cư trú tại: Số 312F3/2 khu vực 5, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Hồng D, Luật sư của Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người bị kiện:

- 1/ Ủy ban nhân dân quận N;
- 2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N;

Địa chỉ: 215 đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Mai Huỳnh K, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ và ông Lê Hoàng Đ, địa chỉ: 04, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Minh T (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 38M/5, tổ 5, khu vực 3, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Huỳnh C (vắng mặt);
3. Bà Trần Nguyễn Ngọc G (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 38G1/5, tổ 5, khu vực 3, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Ông Đặng Vũ Thành L (vắng mặt);
5. Bà Vũ Thị D (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 34C/4 khu vực 3, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

6. Ông Nguyễn Văn Đền (đơn đề nghị xét xử vắng mặt);
7. Bà Lê Thị Tuyết N (đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 395 ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

6. Bà Trần Thị Út (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 48/20 Hẻm 48, đường Nguyễn Trãi, phường Thới Bình, quận N, thành phố Cần Thơ.

7. Ông Nguyễn Văn T1 (vắng mặt);
8. Ông Nguyễn Đức H1 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 36/2, khu vực 3, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

9. Bà Huỳnh Thị U (vắng mặt);

Địa chỉ: số T25, hẻm 388, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

10. Ông Lê Minh H2 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 151Z/17 khu vực 1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

11. Ông Thiều Quang T (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 141B/6 khu vực 1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

12. Ủy ban nhân dân phường A (đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số 07, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- **Người kháng cáo:** Ủy ban nhân dân quận N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:

Ông H, bà T có phần đất có diện tích 593 m², tại thửa số 25, tờ bản đồ số 30 tại khu vực 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ được Ủy ban nhân dân quận N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02052 ngày 01/9/2010.

Ngày 31/5/2013, ông H, bà T có chuyển nhượng một phần diện tích nêu trên là 478,2 m² cho hai người khác. Cụ thể: chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đức H diện tích 225,3 m² và chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị U diện tích 252,9 m².

Sau khi ký các hợp đồng chuyển nhượng một phần đất nêu trên, ông bà có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T1 để làm thủ tục tách thửa sang tên cho ông H1 và bà U. Sau đó, ông H1 và bà U cùng được Ủy ban nhân dân quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng. Ông bà có yêu cầu ông T1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại là 92,2 m² (ngang 2 m x dài 46 m) thì ông T1 cho hay là không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận, khi nào có quy hoạch thì sẽ được Nhà nước bồi thường.

Tuy nhiên, khi các hộ dân lân cận được nhận tiền đền bù thuộc dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long thì ông bà lại không có tên trong danh sách nhận tiền bồi thường. Khi trích lục hồ sơ gốc thửa đất này thì mới phát hiện là trước khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H1, bà U thì ông T1 đã tự ý làm thủ tục điều chỉnh 92,2 m² đất còn lại thành đường đi. Ông T1 đã giả mạo chữ ký, chữ viết của ông H làm Tờ cam kết đề ngày 11/7/2013 để xin điều chỉnh giảm diện tích, chấp nhận bỏ 92,2 m² đất làm đường đi. Mặc dù, Tờ cam kết này không phải là chữ ký, chữ viết của ông H nhưng lại được Ủy ban nhân dân phường A xác nhận vào ngày 12/7/2013. Ngoài ra, ông T1 còn giả mạo chữ ký của ông H ở các tài liệu liên quan.

Ngày 05/9/2013, Ủy ban nhân dân quận N đã đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà thành giấy chứng nhận mới (Số vào sổ cấp GCN CH 08701). Theo đó, phần diện tích đất còn lại 92,2 m² đã bị điều chỉnh thành “phần CSD chưa ra làm đường đi”. Sau đó, ông bà có tố cáo hành vi xác nhận không đúng nên trên của Ủy ban nhân dân phường A đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N kết luận việc tố cáo của ông bà là đúng.

Tuy nhiên, Chủ tịch UBND quận N lại cho rằng việc cắt bỏ lối đi là thủ tục

bắt buộc nếu ông bà muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Ông bà có đơn gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ để có chỉ đạo giải quyết. Sau đó, ngày 04/7/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N có Công văn số 2569/UBND-TD trả lời đơn. Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N cho rằng trước đó ông bà có chuyển nhượng một thửa đất cho 05 hộ phía sau là ông Nguyễn Thanh Bình, ông Võ Chí Cường, bà Phạm Thị Mỹ Hương, bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết và ông Trương Thanh Long nên phải cắt trừ đường đi cho 05 hộ này. Đồng thời, trường hợp của ông bà buộc phải mở lối đi cho các hộ phía sau khi ông bà chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2005 và việc mở lối đi nêu trên đã được thể hiện qua hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân là hẻm nội bộ 2 m.

Do vậy, ông H, bà T khởi kiện yêu cầu:

+ Hủy Công văn số 2569/UBND-TD ngày 04/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N.

+ Buộc Ủy ban nhân dân quận N công nhận 18,8 m² và thực hiện thủ tục thu hồi đất, bồi thường theo quy định đối với diện tích 74,3 m².

+ Buộc Ủy ban nhân dân quận N bồi thường thiệt hại với số tiền 17.160.000 đồng (Bao gồm: Bồi thường chi phí thuê luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là 16.500.000 đồng; Phí khai thác thông tin đất đai là 350.000 đồng; Chi phí gửi đơn thư trong quá trình tố cáo, kiến nghị là 110.000 đồng; Chi phí in ấn, phô tô tài liệu là 200.000 đồng).

Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong các văn bản ý kiến gửi đến Tòa án thể hiện:

Năm 2009, ông Nguyễn Văn H lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất(được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường A) cho 05 hộ gồm: Nguyễn Thanh T, Võ Chí C, Phạm Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Bạch T và Trương Thanh L.

Các hộ dân lập thủ tục đăng ký, hoàn thành nghĩa vụ tài chính và được Ủy ban nhân dân quận N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, cụ thể:

- Ông Nguyễn Thanh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03854 ngày 12/11/2009, diện tích 135 m², trên giấy chứng nhận thể hiện hẻm nội bộ 2m.

- Ông Võ Chí C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03850 ngày 12/11/2009, diện tích 120 m², trên giấy thể hiện hẻm nội bộ 2 m.

- Bà Phạm Thị Mỹ H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03852 ngày 12/11/2009, diện tích 60 m², trên giấy thể hiện hẻm nội bộ 2m.

- Bà Nguyễn Thị Bạch T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H03851 ngày 12/11/2009, diện tích 60 m², trên giấy thể hiện hẻm nội bộ 2m.

- Ông Trương Thanh L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H03853 ngày 12/11/2009, diện tích 60 m², trên giấy thể hiện hẻm nội bộ 2m.

Bên cạnh đó, năm 2013, ông Nguyễn Văn H lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Phụ lục hợp đồng điều chỉnh diện tích (được Văn phòng Công chứng 24h thành phố Cần Thơ công chứng chứng thực) cho 02 hộ gồm: ông Nguyễn Văn Đức và bà Huỳnh Thị U.

- Bà Huỳnh Thị U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH09284 ngày 15/11/2013, diện tích 252,9 m².

- Ông Nguyễn Văn Đức H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH09285 ngày 15/11/2013, diện tích 225,3 m².

Ủy ban nhân dân quận N đánh giá rằng: ngày 31/5/2013, ông H, bà T đã ký chuyển nhượng hết diện tích đất là 593 m² cho ông H1, bà U. Cụ thể ông H1 nhận chuyển nhượng 230 m², bà U nhận chuyển nhượng 363 m².

Tuy nhiên, trong quá trình lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho 02 hộ nêu trên, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận N tiến hành đo đạc thửa đất thực tế của ông H chuyển nhượng thì 05 hộ bên trong mà ông H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào năm 2009 nêu trên không có đường đi, do đó phải cắt trừ đường đi cho 05 hộ phía sau.

Sau khi có kết quả đo đạc thực tế, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất lập Hồ sơ kỹ thuật thửa đất có thể hiện đường đi 2 m cho 05 hộ phía sau, được ông H ký xác nhận tại Bản mô tả xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất, sau đó, ông H tiến hành ký phụ lục hợp đồng với ông H1 và bà U. Kết quả, diện tích thực tế chuyển nhượng cho ông H1 là 225,3 m² và bà U là 252,9 m², phần diện tích còn lại được chừa làm đường đi cho 05 hộ phía sau.

Tại Biên bản xác minh ngày 30/11/2017 của Thanh tra thành phố Cần Thơ, các hộ dân hiện đang sử dụng quyền sử dụng đất tại vị trí này cũng cho rằng phần lối đi chung 2m nêu trên là ông H đồng ý chừa ra làm đường đi cho các hộ dân phía sau, đồng thời rút lại việc xác nhận vào Tờ tường trình ngày 19/6/2017 đã xác nhận cho ông H để nhận tiền bồi thường.

Thấy rằng trường hợp của ông Nguyễn Văn H buộc phải mở lối đi cho các hộ dân phía sau khi ông H chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2005 và việc mở lối đi nêu trên đã được thể hiện qua hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân là hẻm nội bộ 2m.

Do đó, người bị kiện không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2020/HC-ST ngày 34/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm c

khoản 1 Điều 143, điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Điều 79 Luật đất đai năm 2013;

Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T:

+ Hủy Công văn số 2569/UBND-TD ngày 04/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N.

+ Trong phần diện tích đất 92,2 m² còn lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02052 ngày 01/9/2010 do Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Nguyễn Văn H:

Buộc Ủy ban nhân dân quận N thực hiện thủ tục thu hồi phần đất có diện tích 74,3 m² và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đất đai.

Buộc Ủy ban nhân dân quận N công nhận quyền sử dụng đất 18,8 m² cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T.

+ Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông H, bà T về việc đòi bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/11/2020, người bị kiện Ủy ban nhân dân quận N kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T, đối với các yêu cầu hủy công văn 2569 và yêu cầu buộc người bị kiện bồi thường phần diện tích 73,4m² và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 18,8 m² ngoài ranh dự án vì không có cơ sở xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND quận N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T.

Người khởi kiện và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện không đồng ý với quan điểm của UBND quận N vì khi chuyển nhượng quyền

sử dụng đất cho những người khác, ông H và bà T không tự nguyện dành phần đất 92,2m² đất còn lại làm đường đi mà bị ông Nguyễn Văn T1 giả mạo chữ ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước và quyền lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm và bác yêu cầu khởi kiện hủy Công văn 2569 của Chủ tịch UBND quận N, bác yêu cầu khởi kiện buộc UBND quận N công nhận quyền sử dụng 18,8m² đất và thu hồi bồi thường đối với 74,2m² đất của ông Nguyễn Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo của UBND quận N, thành phố Cần Thơ đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định và thực hiện nghĩa vụ tạm ứng án phí, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công văn 2569 không chấp nhận việc công nhận quyền sử dụng đất đối với ông H, bà T nên công văn này là quyết định hành chính bị kiện. Người khởi kiện yêu cầu UBND quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị từ chối là hành vi hành chính. Ngoài ra, người khởi kiện còn yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra còn trong thời hạn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015 là có căn cứ.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận N:

Ủy ban nhân dân Quận N thừa nhận quyền sử dụng đất của ông H được công nhận là 593 m². Sau khi chuyển nhượng cho ông H1, bà U, diện tích còn lại thực tế là 92,2 m². Phần diện tích đất còn lại này bị điều chỉnh thành đường đi vì cho rằng khi điều chỉnh là do có sự thỏa thuận của các bên đương sự. Đồng thời do các hộ nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông H, bà T là các hộ nằm phía sau, do đó phải mở lối đi cho các hộ phía sau. Từ những căn cứ đó đề nghị được chấp nhận đơn kháng cáo theo hướng sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của người khởi kiện.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 31/5/2013, ông H, bà T có chuyển nhượng một phần diện tích nêu trên là 478,2 m² cho hai người khác. Cụ thể: chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đức H diện tích 225,3 m² và chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị U diện tích 252,9 m².

Sau khi ký các hợp đồng chuyển nhượng một phần đất nêu trên, ông H, bà T có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T1 để làm thủ tục tách thửa sang tên cho ông H1 và bà U. Khi trích lục hồ sơ gốc thửa đất này thì mới phát hiện là trước khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H1, bà U thì ông T1 đã tự ý làm thủ tục điều chỉnh 92,2 m² đất còn lại thành đường đi. Ông T1 đã giả mạo chữ ký, chữ viết của ông H làm Tờ cam kết đề ngày 11/7/2013 để xin điều chỉnh giảm diện tích, chấp nhận bỏ 92,2 m² đất làm đường đi. Việc giả mạo này đã được Ủy ban nhân dân quận N xác nhận tại Thông báo kết quả giải quyết đơn tố cáo số 711/TB-UBND ngày 20/10/2017 của Ủy ban nhân dân quận N (Bút lục 11). Đồng thời, hồ sơ thể hiện cũng không có tài liệu nào khác để chứng minh ông H dành phần đất này làm lối đi cho các hộ bên trong. Do vậy, quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 92,2 m² này vẫn thuộc quyền sử dụng đất của ông H, bà T. Việc việc vi phạm dẫn Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2005 của UBND Quận N là không phù hợp. Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T là có căn cứ.

[3] Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận N, thành phố Cần Thơ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND quận N, thành phố Cần Thơ phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận N, thành phố Cần Thơ.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 143, điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Điều 79 Luật đất đai năm 2013.

Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T:

+ Hủy Công văn số 2569/UBND-TD ngày 04/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N.

+ Trong phần diện tích đất 92,2 m² còn lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02052 ngày 01/9/2010 do Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Nguyễn Văn H:

Buộc Ủy ban nhân dân quận N thực hiện thủ tục thu hồi phần đất có diện tích 74,3 m² và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đất đai.

Buộc Ủy ban nhân dân quận N công nhận quyền sử dụng đất 18,8m² cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T.

+ Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông H, bà T về việc đòi bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 000107 ngày 30/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP Cần Thơ; (1)
- VKSND TP Cần Thơ; (1)
- Cục THADS TP Cần Thơ; (1)
- Đương sự; (16)
- Lưu VT (6), HS (2) T.29 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long